

Số: 36/KH-Tr.TH

Hạ Long, ngày 23 tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh và Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 26/01/2023 của UBND TP Hạ Long về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025 theo lộ trình mục tiêu đã đặt ra trong Quyết định số 131/QĐ-TTg và Nghị quyết số 09-NQ/TU phù hợp với đặc thù, hiện trạng của giáo dục và đào tạo của nhà trường;

b) Tạo đột phá trong hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ tri thức trường học; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục đảm bảo kế thừa, phát huy hiệu quả các hạng mục đã đầu tư trong Đề án xây dựng chính quyền điện tử, các Đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đặc biệt là việc khai thác các phòng học thông minh.

c) Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gắn với phát triển các nền tảng, tài nguyên số dùng chung, góp phần phát triển chính quyền số, xã hội số, xây dựng dữ liệu quốc gia về dân cư của phường.

d) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục gắn với sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí;

2. Yêu cầu

a) Bám sát Quyết định số 131/QĐ-TTg, Nghị quyết số 09-NQ/TU, Kế hoạch số 59/KH-UBND và các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh, của thành phố. Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, từng bước, theo lộ trình và đảm bảo hiệu quả, lấy người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số;

b) Chuyển đổi số phải thực hiện đồng bộ, các Đề án, kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của nhà trường phải đảm bảo đồng bộ, phù hợp với kế hoạch này;

c) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khai thác sử dụng hiệu quả phương tiện thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; tích ứng trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu nhà trường đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển Chính quyền số, xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến 2025

a) Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

(2) Tỷ lệ học sinh, cha mẹ học sinh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 90%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của nhà trường đạt trung bình 90%.

(3) Nhà trường được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*).

(4) 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LDTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long.

(5) Nhà trường kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký tuyển sinh).

b) Phát triển xã hội số trong giáo dục

(1) 100% phụ huynh chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;

(2) 100% giáo viên thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên, triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; tuyển sinh đầu cấp lớp 1 hoàn toàn trên môi trường số.

(3) Triển khai mô hình quản lý thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.

(4) 100% CBGVNV triển khai sử dụng chữ ký số.

c) Xây dựng trường học số

**** Chuyển đổi số trong dạy và học***

(1) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

(2) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

a) Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 70% học sinh sử dụng;

b) Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 60% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

(3) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học.

Chuyển đổi số trong quản trị trường học

(1) Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số

a) 100% CBGVNV áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

b) 100% CBGVNV tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến.

c) 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu toàn trường được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết

nội và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

d) Phát triển nhân lực số

100% CBGVNV tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo. 100% CBGVNV có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.

100% CBGVNV định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến 2030

Tất cả các thành tố trong hệ thống giáo dục của trường học được đưa vào môi trường số.

Tiếp tục triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học, cha mẹ người học sinh trong toàn trường;

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh về thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền.

2. Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt.

b) Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số; tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Hướng dẫn các CB GV NV xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên.

d) Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của trường, giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng trường học số.

b) Phát huy hiệu quả của các thiết bị đã được đầu tư từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục:

Chỉ đạo các CBGVNV khai thác, sử dụng hiệu quả phòng học thông minh, các thiết bị máy chiếu, máy tính, loa, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giáo dục.

Hướng dẫn các giải pháp khai thác hiệu quả các thiết bị hỗ trợ dạy học đã được đầu tư; phát huy lợi thế của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp với nhu cầu thực tế tại đơn vị.

c) Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong nhà trường.

4. Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng.

b) Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước.

c) Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn CBGVNV xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch.

đ) Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành (bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học.

e) Xây dựng thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

h) Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh để hình thành thói quen số, văn hóa số,...

5. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành.

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ các cơ quan quản lý giáo dục. Triển khai hệ thống thông tin quản lý, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ nhà trường đến CBGVNV.

c) Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tới 100% CBGVNV đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, kết nối với các nền tảng ứng dụng khác.

d) Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số.

6. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

a) Triển khai thực hiện liên thông văn bản điện tử, thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

b) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính.

7. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyển đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định.

b) Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của trường; được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh, của thành phố.

b) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Chủ động liên kết với trường, trung tâm nghiên cứu để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

1. Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, dạy và học; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Sử dụng công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

2. Triển khai công tác dạy và học từ xa cho 100% CB - GV - NV trong đó buổi học bồi dưỡng thường xuyên, góp ý SGK,... ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

3. Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển cân đối hàng năm cho ngành giáo dục để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch.

2. Nguồn tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập chi cho các nhiệm vụ triển khai tại đơn vị;

3. Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động thực hiện các nội dung của ngành, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

Giao cho đ/c Vũ Thị Kim Nhung- Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nhà trường. Cụ thể:

a) Căn cứ Kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng Kế hoạch của đơn vị, cụ thể hóa Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ.

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí, cân đối kinh phí đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cơ sở giáo dục để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục.

c) Thực hiện báo cáo sơ kết và tổng kết (hoặc theo chỉ đạo) tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch về Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

d) Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nội dung Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân nắm được các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo của Thành phố, của ngành giáo dục để tham gia thực hiện cũng như giám sát việc thực hiện.

đ) Căn cứ kế hoạch này để xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường và địa phương. Tham mưu cho UBND phường và Phòng Giáo dục và Đào tạo các nội dung, giải pháp thực hiện được sát thực, hiệu quả. Cụ thể hóa các nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tham mưu, đề xuất các giải pháp, tháo gỡ vướng mắc khó khăn.

2. Các tổ chuyên môn

- Tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên trong tổ thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch của nhà trường trong việc thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện của giáo viên, nhân viên.

3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường

- Tuyên truyền tới cha mẹ học sinh về kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt thu học phí không dùng tiền mặt.

- Thực hiện tốt kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Các đoàn thể

a) Ban chấp hành Công Đoàn

- Công đoàn nhà trường chịu trách nhiệm làm tốt công tác tuyên truyền trong CB, GV, NV.

- Phối hợp với nhà trường làm tốt công tác thi đua - khen thưởng trong việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Chi đoàn Thanh niên

- Chịu trách nhiệm làm tốt công tác tuyên truyền bằng kẻ vẽ pa nô, áp phích.

- Tuyên truyền, đưa đoàn viên làm nhân tố tích cực nhất trong ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Đội thiếu niên TP HCM

- Đổi mới hình thức tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục thể chất, thể thao trường học, y tế trường học và công tác học sinh trong các buổi chào cờ, phát thanh măng non, các giờ sinh hoạt tập thể.

Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt nghiêm túc triển khai đạt hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao; Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Ban giám hiệu để được chỉ đạo và xử lý kịp thời.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hạ Long (b/c);
- Đảng ủy phường Giếng Đáy (b/c);
- Chi bộ nhà trường (b/c);
- Ban giám hiệu, CB, GV, NV toàn trường (T/h);
- BCHCD, BCH chi đoàn TN, TPT Đội (P/h);
- CB, GV, NV TT(t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Thị Mận